



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 13

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

24/05/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 13/2023/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La	4
29/05/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 14/2023/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức đóng góp và chế độ miễn đối với người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La	6
09/06/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 15/2023/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La	8
14/06/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 16/2023/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 79/2004/QĐ-UB ngày 23/7/2004 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng Giáo dục Quốc phòng tỉnh Sơn La	11
14/06/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 17/2023/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Sơn La	12

16/06/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 18/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định về các tiêu chí đối với bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La	14
------------	--	----

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

02/06/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 191/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh	20
02/06/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 192/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh	27
02/06/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 193/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích dự án nhà nước thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các nghị quyết	32
02/06/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 194/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích của dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết	38

UBND TỈNH

08/06/2023	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 11/CT-UBND về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024 - 2026	43
08/06/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 990/QĐ-UBND Về việc ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030	58

23/06/2023	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 12/CT-UBND về việc tăng cường tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo	76
------------	--	----

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1386/TTr-SGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giao thông vận tải;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Sơn La về quy định mức đóng góp và chế độ miễn đối với người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở điều trị nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 96/TTr-LĐTBXH ngày 09 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La về quy định mức đóng góp và chế độ miễn đối với người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy tại cơ sở điều trị nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ LĐTBXH;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc UBND cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 48/TTr-STTTT ngày 29 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn thông tin mạng; giao dịch điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc UBND cấp tỉnh, phòng Văn hóa - Thông tin thuộc UBND cấp huyện.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc Sở là Ủy viên UBND tỉnh, là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; báo cáo trước HĐND, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh theo yêu cầu. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của văn phòng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở theo quy định của pháp luật. Căn cứ các quy định của pháp luật Giám đốc Sở ban hành quy chế làm việc, chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của Sở.

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Sở, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ:

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Bưu chính;

d) Phòng Công nghệ thông tin - Viễn thông.

3. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2023 và thay thế Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, phòng KGVX;
- Trung tâm Thông tin VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 79/2004/QĐ-UB ngày 23/7/2004 của UBND tỉnh
về việc thành lập Hội đồng Giáo dục Quốc phòng tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giáo dục Quốc phòng và An ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 384/TTr-SNV ngày 12 tháng 6
năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 79/2004/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2004
của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng Giáo dục Quốc phòng tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 6 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hương (05 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 17/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo
Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh
ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật sửa đổi ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị
định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm
2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11
năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày
28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số
177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 146/TTr-STC ngày 31 tháng 5 năm 2023. Ý kiến tán thành của các đồng chí thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Bảng giá các loại đất.

- Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

- Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.”

2. Sửa đổi Điểm d Khoản 1 Điều 9 như sau:

“d. Sở Xây dựng

Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

2. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Cường (02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 16 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về các tiêu chí đối với bến xe khách thấp hơn
bến xe khách loại 6 thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện
kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 23 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính
phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của
Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;*

*Căn cứ Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ
Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách - Sửa
đổi lần 1 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
1646/TTr-SGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về các tiêu chí đối với bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT; KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Các tiêu chí đối với bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6
thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội
khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND
ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các tiêu chí về kỹ thuật; quản lý khai thác bến xe khách có tiêu chí thấp hơn bến xe khách loại 6 thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La (sau đây gọi tắt là *Bến xe khách dưới loại 6*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác Bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước về giao thông vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Bến xe khách dưới loại 6 là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng, được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề có các tiêu chí về kỹ thuật thấp hơn tiêu chí của bến xe khách loại 6 được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015 được ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Bến xe khách dưới loại 6 chỉ phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định nội tỉnh và hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

2. Sở Giao thông vận tải và UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là *UBND cấp huyện*) kiểm tra, thống nhất vị trí, diện tích đầu tư, xây dựng Bến xe khách dưới loại 6 dựa trên nguyên tắc phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

3. Chỉ được đưa vào khai thác hoặc tiếp tục khai thác sau khi đã được Sở Giao thông vận tải công bố hoặc công bố lại.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 5. Các hạng mục công trình cơ bản bắt buộc phải có

Bến xe khách dưới loại 6 bắt buộc phải có các hạng mục công trình cơ bản sau đây:

1. Khu vực xe đón, trả khách.
2. Khu vực đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón, trả khách.
3. Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác.
4. Khu vực làm việc kết hợp khu vực bán vé của nhân viên quản lý.
5. Phòng chờ cho hành khách.
6. Khu vực vệ sinh.

Điều 6. Quy định về tiêu chí của các hạng mục công trình cơ bản

Các hạng mục công trình cơ bản của Bến xe khách dưới loại 6 phải đảm bảo các nội dung sau:

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	M ²	300	
2	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách	M ²	80	
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	M ²	20	
4	Diện tích phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	M ²	20	Số chỗ ngồi tối thiểu 08 chỗ
5	Vị trí đón trả khách	Vị trí	2	
6	Diện tích khu làm việc (kết hợp bố trí bán vé)	M ² /người	4,5	
7	Diện tích khu vệ sinh	M ²	8	
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách		Quạt điện	

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
9	Bảng thông tin	M ²	1	
10	Đường cho xe ra, vào bến (<i>chiều rộng</i>)	M	5	Chung

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Hướng dẫn các đơn vị khai thác bến xe thực hiện công bố lần đầu, công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác, công bố tạm ngừng, chấm dứt hoạt động Bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện công bố và công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác, công bố tạm ngừng, chấm dứt hoạt động Bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn địa tỉnh.

3. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của các bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn tỉnh;

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xác định và quản lý quỹ đất dành cho dự án xây dựng Bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức và quản lý Bến xe khách dưới loại 6 phù hợp với yêu cầu đặc thù của địa phương.

3. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô tại các bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ đầu tư; đơn vị quản lý, khai thác bến xe

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đầu tư xây dựng Bến xe khách dưới loại 6 đúng theo vị trí, diện tích thống nhất giữa Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện;

b) Đầu tư xây dựng Bến xe khách dưới loại 6 phải tuân thủ trình tự quản lý đầu tư xây dựng, các thủ tục về đất đai và các quy định liên quan khác của pháp luật; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình và thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, khai thác

a) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô;

b) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng và chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật trong bến xe khách; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh trong phạm vi Bến xe khách dưới loại 6;

c) Thực hiện việc ký kết hợp đồng với các đơn vị vận tải theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh vận tải tại Bến xe khách dưới loại 6;

d) Niêm yết nội quy của bến xe khách và hình thức xử lý, chế tài kèm theo khi vi phạm nội quy của Bến xe khách dưới loại 6;

đ) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất tình hình hoạt động của bến xe khách theo yêu cầu của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị chức năng.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Chủ tịch UBND cấp huyện và các Sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phát sinh, các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo đề xuất với UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 191/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước
thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 500/BC-KTNS ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 11 công trình, dự án Nhà nước thu hồi
đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

1. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông,
thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực ... (Điểm b Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai):
09 dự án, diện tích đất thu hồi 337.206 m².

2. Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân
cư; dự án tái định cư; chợ;... (Điểm c Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013): 02
dự án, diện tích đất thu hồi 15.751 m².

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ mười hai thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện			
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	
				Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng					Đất chưa có rừng
	Tổng		352.957	55.658	-	104.301	-	-	192.999	-	-		
I	Thành phố Sơn La		38.591	14.973	-	390	-	-	23.229	-	-		
1	Dự án Xây dựng xuất tuyến đường dây 22kV và 35kV TBA 110kV Sơn La 2	Xã Chiềng Cọ, Hua La, phường Chiềng Cơi, Chiềng An, Quyết Tâm, Chiềng Lè, Tô Hiệu	8.806,8	550		389,6			7.867,2	Điểm b	1850 QĐ-EVNNPC ngày 05/8/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Tín dụng thương mại và khấu hao cơ bản	
2	Dự án Trường mầm non Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen	8.328,1						8.328,1	Điểm c	99 NQ-HĐND ngày 03/10/2022 của HĐND thành phố;	Ngân sách thành phố	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng			
3	Dự án mở rộng Công viên Đông Sơn - công, tường rào trường mầm non Chiềng Cơi và Trại Y tế Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	7.423	7.423						99 NQ-HĐND ngày 03/10/2022 của HĐND thành phố; 2365 QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố	Ngân sách thành phố
										2365 QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
4	Dự án tiêu thoát nước chống ngập úng tại bản Giáng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen	7.800	1.000					6.800	516 QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Sơn La	Ngân sách tỉnh
5	Dự án nút giao đường ngõ tổ 1, phường Chiềng Lè (cạnh Kho bạc nhà nước Sơn La), đầu nối vào lô số 5, kè suối Nậm La	Phường Chiềng Lè	233,4						233,4	548 QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND thành phố	Ngân sách thành phố (nguồn thu tiền sử dụng đất)
6	Dự án hạ tầng khu dân cư tiếp giáp Khu dân cư 1A và Công ty Điện lực thành phố	Phường Chiềng Cơi	6.000	6.000						99 NQ-HĐND ngày 03/10/2022 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
			Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
II	Huyện Sốp Cộp		207	-	703	-	-	24.997	-	-	-	
7	Đường giao thông từ bản Nà Ân đi bản Huổi Pá, xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	5.844,5					5.844,5	Điểm b	2345 QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Sốp Cộp	Ngân sách huyện	
8	Dự án đường giao thông từ bản Tông Hùm đến Huổi Pốt xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Và	20.061,9	206,7	702,9			19.152,3	Điểm b	2345 QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Sốp Cộp	Ngân sách huyện	
III	Huyện Yên Châu		40.748	35.823	-	-	84	-	-	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
9	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch cho một số cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	35.775					4.225	Điểm b	186 NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện	
10	Xây dựng xuất tuyến đường dây 35kV sau TBA 110kV Yên Châu	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	48		84			616	Điểm b	2485 QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022	Tín dụng thương mại và khấu hao cơ bản	
IV	Huyện Vân Hồ		4.655,4	-	-	103.124,1	-	139.932	-	-	-	
11	Thủy điện Suối Tân 3	Các xã: Mường Men, Chiềng Yên, Quang Minh	4.655,4		103.124,1			139.932	Điểm b	2766 QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Doanh nghiệp	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 192/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích
sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án
đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 500/BC-KTNS ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích đất trồng
lúa đất rừng phòng hộ với diện tích 137.829 m² để thực hiện 09 công trình, dự án
năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

1. Đất chuyên trồng lúa nước (đất lúa 02 vụ): 30.187,4 m².
2. Đất rừng phòng hộ: 107.641,6 m² (đất chưa có rừng).

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười hai thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMDSD đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ			Đất khác còn lại (không phải đất rừng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
	Tổng		357.096,4	137.829,0	30.187,4	-	-	-	107.641,6	193.230,4	-	-	
I	Thành phố Sơn La		30.029,8	15.362,6	14.973	-	-	-	389,6	14.667,2	-	-	
1	Dự án Xây dựng xuất tuyến đường dây 22kV và 35kV TBA 110kV Sơn La 2	Xã Chiềng Cọ, Hua La, phường Chiềng Cơi, Chiềng An, Quyết Tâm, Chiềng Lè, Tô Hiệu	8.806,8	939,6	550				389,6	7.867,2	DNL	1850 QĐ-EVNNPC ngày 5/8/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Tín dụng thương mại và khấu hao cơ bản
2	Dự án mở rộng Công viên Đông Sơn - công, tường rào trường mầm non Chiềng Cơi và Trạm Y tế Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	7.423	7.423	7.423						DGD, DYT, DKV	99/NQ-HĐND ngày 03/10/2022 của HĐND thành phố; 2365/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố	Ngân sách thành phố

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMDSD đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ			Đất khác còn lại (không phải đất rừng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
3	Dự án tiêu thoát nước chống ngập úng tại bản Giàng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen	7.800	1.000					6.800	DTL	99/NQ-HĐND ngày 03/10/2022 của HĐND thành phố; 2365/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố	Ngân sách tỉnh	
4	Dự án hạ tầng khu dân cư tiếp giáp Khu dân cư 1A và Công ty Điện lực thành phố	Phường Chiềng Cơi	6.000	6.000						DGT	99/NQ-HĐND ngày 03/10/2022 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố	
II	Huyện Sốp Cộp		38.606,9	4.816,9	773	-	-	-	4.043,9	33.790	-	-	-
5	Dự án đường giao thông từ bản Tông Hùm đến Huổi Pốt, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Và	20.061,9	909,6	206,7				702,9	19.152,3	DGT	2345 QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND huyện Sốp Cộp	Ngân sách huyện
6	Nâng cấp tuyến đường từ cầu cống đi bản Huổi Niềng, xã Mường Và	Xã Mường Và	18.545	3.907,3	566,3				3.341	14.637,7	DGT	1933 QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Sốp Cộp	Chương trình MTQG giảm nghèo

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMĐSD đất	Nguồn vốn thực hiện	
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất rừng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
III	Huyện Vân Hồ		247.712	107.779,5	4.655,4	-	-	-	103.124,1	139.932,2	-	-
7	Thủy điện Suối Tân 3	Các xã: Mường Men; Chiềng Yên; Quang Minh	247.712	107.779,5	4.655,4				103.124,1	139.932,2	2766/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Doanh nghiệp
IV	Huyện Yên Châu		40.748	9.870	9.786	-	-	-	84	4.841	-	-
8	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch cho một số cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	40.000	9.738	9.738					4.225	186/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
9	Xây dựng xuất tuyến đường dây 35kV sau TBA 110kV Yên Châu	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	748	132	48				84	616	2485 QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022	Tín dụng thương mại và khấu hao cơ bản

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 193/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích dự án
nhà nước thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 500/BC-KTNS ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích của 09 dự án nhà nước thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022; Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2022; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022.

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười hai thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh)

		Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)		Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)				Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.									
TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Trong đó				Trong đó				Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn			
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Đất rừng PH	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)						
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng									
	Tổng			1.111.658	106.837	84.195	2.500	98.500	819.626	1.007.956	43.670	87.709	2.500	196.134	677.943	-	
I	Huyện Mộc Châu			692.400	89.300	63.000	-	-	540.100	596.744	27.337	63.000	-	-	506.407	-	
1	Năng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77 thị trấn Nông trường Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	24 NQ-HĐND ngày 10/8/2021	84.000					84.000	101.300					101.300	907 QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện Mộc Châu	Ngân sách tỉnh + huyện
2	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, thị trấn Mộc Châu, xã Mường Sang	24 NQ-HĐND ngày 10/8/2021	424.300		63.000			361.300	424.300	15.396,8	63.000			345.903,2	271 NQ-HĐND ngày 29/4/2021	Ngân sách tỉnh + huyện

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)				Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)				Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.			
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Trong đó	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng						
3	Đầu tư xây dựng phát triển khu du lịch quốc gia Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu,	51 NQ-HĐND ngày 08/12/2021	184.100	89.300				11.940		59.204	166 NQ-HĐND ngày 18/4/2023	Ngân sách tỉnh	
II	Thành phố Sơn La			2.000	2.000	-	-	-	-	2.400,0	-	-	-	
4	Trường mầm non Sao Mai, xã Chiềng Ngần	Xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	130 NQ-HĐND ngày 08/11/2022	2.000	2.000					2.400			2930 QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	Ngân sách tỉnh bổ sung cân đối hỗ trợ CT xây dựng NTM
III	Huyện Sốp Cộp			157.900	-	-	-	86.700	71.200	556	-	131.241	14.648	-

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)				Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)				Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.				
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Trong đó			Diện tích thu hồi (m ²)	Trong đó			Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn		
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Đất trồng lúa	Đất rừng PH			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ					Đất có rừng				Đất chưa có rừng
5	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bán Nậm Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Lạn	149 NQ-HĐND ngày 08/12/2022	127.900			86.700			127.900			1068 QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Ngân sách tỉnh	
6	Nâng cấp tuyến đường từ cầu cứng đi bán Huổi Niếng, xã Mường Và	Xã Mường Và	149 NQ-HĐND ngày 08/12/2022	30.000						18.545		3.341	14.647,7	1933 QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Sốp Cộp	Chương trình MTQG giảm nghèo
IV	Huyện Phù Yên			69.300	15.537	195	-	-	15.776	195	-	-	55.223	-	-
7	Kè chống sạt lở Suối Tắc bảo vệ khu dân cư các xã Huy Thượng, xã Huy Hạ	Xã Huy Thượng, xã Huy Hạ	130 NQ-HĐND ngày 08/11/2022	69.300	15.537,3	195,1			15.776,4	195,1			55.223,2	2256 QĐ-UBND ngày 13/12/2022	Ngân sách Trung ương

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)						Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)						Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua dự án thu hồi đất	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Trong đó				Diện tích thu hồi (m ²)	Trong đó			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)						
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng								
V	Huyện Văn Hồ			190.058	-	21.000	2.500	11.800	154.758	191.172	22.114	2.500	64.893	101.665	-	-
8	Đường giao thông kết nối điểm du lịch rừng sinh thái bản Pa Cóp xã Văn Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Văn Hồ	Xã Văn Hồ; xã Chiềng Xuân	122 NQ-HĐND ngày 31/8/2022	141.600	6.000	2.500	11.800	121.300		141.600	6.000	2.500	64.200	68.900	261 NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh Sơn La về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách tỉnh
9	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Hồ	Xã Văn Hồ, huyện Văn Hồ	130 NQ-HĐND ngày 08/11/2022	48.458	15.000			33.458		49.572	16.114	693	32.765	117 NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về phê duyệt chủ trương đầu tư	Vốn phục hồi và phát triển KTXH + NS tỉnh	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 194/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 02 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích của dự án
cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh
thông qua tại các Nghị quyết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 500/BC-KTNS ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 07 dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích dự án
cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các
Nghị quyết: Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021; Nghị quyết
số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 122/NQ-HĐND
ngày 31 tháng 8 năm 2022; Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm
2022; số 149/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022.

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười hai thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH CỦA DỰ ÁN CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)						Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)						Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung	
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMDSD đất	Tổng DT cho phép	Trong đó				Diện tích (m ²)	Trong đó				Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất trồng lúa		Đất rừng PH				
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng		Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ			Đất trồng lúa nương
	TỔNG		292.032	106.837	84.195	-	2.500	98.500	326.115	43.113	87.709	-	2.500	192.793	-	-
I	Huyện Mộc Châu		152.300	89.300	63.000	-	-	-	90.337	27.337	63.000	-	-	-	-	-
1	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, thị trấn Mộc Châu, xã Mường Sang	24 NQ-HĐND ngày 10/8/2021	63.000		63.000			78.397	15.396,8	63.000				271 NQ-HĐND ngày 29/4/2021	Ngân sách tỉnh + huyện
2	Đầu tư xây dựng phát triển khu du lịch quốc gia Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu,	52 NQ-HĐND ngày 08/12/2021	89.300	89.300				11.940	11.940					166 NQ-HĐND ngày 18/4/2023	Ngân sách tỉnh
II	Thành phố Sơn La		2.000	2.000	-	-	-	-	2.400	-	2.400	-	-	-	-	-
3	Trường mầm non Sao Mai, xã	Xã Chiềng Ngần, thành phố	130 NQ-HĐND ngày	2.000	2.000				2.400		2.400				2930 QĐ-UBND ngày	Ngân sách tỉnh bổ sung

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)						Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)						Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung		
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMBSD đất	Tổng DT cho phép	Trong đó				Diện tích (m ²)	Trong đó				Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn		
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất trồng lúa		Đất rừng PH					
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng		Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ			Đất trồng lúa nương	Đất có rừng
	Chiềng Ngần	Sơn La	08/11/2022												14/12/2022 của UBND thành phố xây dựng NTM	cần đổi hồ trợ CT	
III	Huyện Sốp Cộp			86.700	-	-	-	-	86.700							-	-
4	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Năm Lạn, xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	149 NQ-HĐND ngày 08/12/2022	86.700					86.700					127.900	1068 QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Ngân sách tỉnh	
IV	Huyện Phù Yên			15.732	15.537	195	-	-	-		15.776	195	-	-		-	
5	Kè chống sạt lở Suối Tác bảo vệ khu dân cư các xã Huy Thượng, xã Huy Hạ	Xã Huy Thượng, xã Huy Hạ	130 NQ-HĐND ngày 08/11/2022	15.732,4	15.537,3	195,1				15.776,4	195,1				2256 QĐ-UBND ngày 13/12/2022		
V	Huyện Vân Hồ			35.300	-	21.000	-	2.500	11.800	-	-	22.114	-	2.500	64.893	-	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)					Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)					Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung		
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMDSD đất	Tổng DT cho phép	Trong đó				Diện tích (m ²)	Trong đó				Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất trồng lúa		Đất rừng PH			
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất có rừng	Đất có rừng	Đất có rừng	Đất có rừng	Đất có rừng		
6	Đường giao thông kết nối điểm du lịch rừng sinh thái bản Pa Cốp xã Văn Hồ với Trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Văn Hồ	Xã Văn Hồ, xã Chiềng Xuân	122 NQ-HĐND ngày 31/8/2022	20.300		6.000		2.500	11.800			64.200	261 NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh Sơn La về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách tỉnh	
7	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Hồ	Xã Văn Hồ, huyện Văn Hồ	130 NQ-HĐND ngày 08/11/2022	15.000		15.000						693	117 NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về phê duyệt chủ trương đầu tư	Vốn phục hồi và phát triển KTXH + NS tỉnh	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/CT-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 6 năm 2023

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024 - 2026

Năm 2023, kinh tế của tỉnh tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức, diễn biến nhanh, mạnh, phức tạp, khó lường, nhiều rủi ro bất định. Diễn biến xung đột Nga-Ukraine kéo dài đã tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống và sản xuất, kinh doanh trong nước; tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ... diễn biến bất thường có chiều hướng gia tăng, rất khác biệt so với thời điểm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) năm 2023. Nhiều khó khăn, thách thức lớn, trong đó có những vấn đề vượt khỏi khả năng dự báo đã tác động xấu, ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế của tỉnh trong năm 2023.

Năm 2024, là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2021 - 2025 và các kế hoạch 05 năm khác, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2021 - 2025 đã đề ra. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, kinh tế của tỉnh dự báo tiếp tục còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Những thuận lợi, cơ hội và khó khăn thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức sẽ nhiều hơn do chịu ảnh hưởng của diễn biến phức tạp như đã và đang diễn ra trong năm 2023 và dự kiến sẽ tiếp tục diễn biến khó lường trong năm 2024.

Để tiếp tục phát huy các kết quả đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu đã đề ra, theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 255/TTr-SKHĐT ngày 08 tháng 6 năm 2023. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tập trung triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026 với các yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2024

I. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2024

1. Đối với đánh giá kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023

Việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các Nghị quyết,

Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ và HĐND các cấp về phát triển KT-XH năm 2023, các Quyết định của UBND tỉnh, Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh trong điều hành thực hiện kế hoạch năm 2023.

Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có sự so sánh với kết quả thực hiện của năm 2022; nêu rõ kết quả đạt được (*đặc biệt nêu rõ những thành tựu nổi bật của năm 2023*), khó khăn, hạn chế; phân tích nguyên nhân chủ quan, khách quan của những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém; chỉ rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với những hạn chế, yếu kém; những bài học kinh nghiệm.

2. Đối với xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024

Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 và dự báo tình hình trong tỉnh, trong nước, thế giới có ảnh hưởng lớn đến phát triển KT-XH của tỉnh; từ đó xác định mục tiêu của kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 phù hợp, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với phương hướng phát triển KT-XH 5 năm 2021 - 2025.

Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, các huyện, thành phố phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phân đầu đạt được mục tiêu theo kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm của tỉnh, của địa phương; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng. Trong quá trình xây dựng kế hoạch cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước, trong tỉnh trong giai đoạn tới; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận những xu hướng phát triển chung, cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

Các mục tiêu, định hướng và giải pháp phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển KT-XH và Kế hoạch đầu tư công; thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch 05 năm, gắn với việc thực hiện đánh giá giữa kỳ Kế hoạch 05 năm.

Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách:

(1) Phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch;

(2) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu;

(3) Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ;

(4) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể hóa về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành; cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; cá thể hóa trách nhiệm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2024

Các sở, ngành, địa phương căn cứ yêu cầu tại Mục I, phần A Chỉ thị này, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023, các sở, ngành, cơ quan đơn vị và UBND các huyện, thành phố tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (*đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2023*), những khó khăn, hạn chế, phân tích rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan, đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh mới phát sinh, biến động giá cả hàng hóa thị trường...

Cụ thể:

1.1. Các sở, ban, ngành đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023. Trong đó báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu năm 2023 đã được giao tại Nghị quyết của HĐND tỉnh.

1.2. Các huyện, thành phố đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Nghị quyết của HĐND huyện, thành phố về Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023.

1.3. Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

- Công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, trong đó có phòng chống dịch bệnh COVID-19; thực hiện Chương trình phục hồi phát triển KT-XH.

- Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Trong đó tập trung: Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế, cơ cấu lại các ngành kinh tế; cơ cấu lại đầu tư công; điều hành dự toán ngân sách nhà nước; cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý

nợ xấu; nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể và hợp tác xã; năng lực sản xuất mới tăng thêm trong năm 2023.

- Tình hình thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực; chất lượng giáo dục đào tạo.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH theo hướng đồng bộ tạo động lực thu hút đầu tư; thực hiện kế hoạch đầu tư công. Công tác lập, phê duyệt và triển khai các quy hoạch; phát triển đô thị; thị trường bất động sản; thực hiện Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, như: Công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; chăm sóc người có công; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phát triển và đổi mới giáo dục đào tạo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; thông tin, văn hóa; thể dục thể thao; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả; tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình hình hạn hán, sạt lở, tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị...

- Kết quả đạt được trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào trong thực tiễn, đóng góp của yếu tố khoa học công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế.

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm an ninh trật tự trên các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm.

- Tình hình thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

- Kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2023 trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các cơ quan, đơn vị tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị.

2. Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024

Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn nhiều tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Xung đột căng thẳng Nga-Ukraine và phản ứng của các nước, làm phát toàn cầu dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao. Thị trường tài chính toàn cầu đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, rủi ro bộc lộ ngày càng rõ nét. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác quốc tế vừa là thời cơ, vừa là thách thức.

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; các cân đối lớn được đảm bảo; dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên, ... Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh đối mặt với ngày càng nhiều khó khăn, thách thức; công tác quản lý điều hành phát triển KT-XH của UBND tỉnh, các sở ngành, địa phương ngày càng áp lực và nặng nề hơn. Khối lượng công việc xử lý ngày càng nhiều do kinh tế của tỉnh đứng trước yêu cầu phát triển xanh, nhanh, bền vững; những vấn đề an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân, lao động, việc làm đòi hỏi phải quan tâm giải quyết kịp thời, hiệu quả. Bên cạnh những nhiệm vụ thường xuyên tăng lên, còn phải giải quyết những khó khăn nội tại của nền kinh tế, các vấn đề tồn đọng, tích tụ nhiều năm, nay bộc lộ rõ nét hơn do các yếu tố tác động cả từ bên ngoài và bên trong. Các vấn đề về cơ sở hạ tầng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển; quy mô và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực còn hạn chế; đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu dự đoán sẽ có diễn biến phức tạp, ...

Trong bối cảnh đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của tỉnh, trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH. Đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của cuộc xung đột quân sự Nga-Ukraine kéo dài, làm phát thế giới tuy đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, tăng trưởng kinh tế toàn cầu, các nền kinh tế lớn giảm, rủi ro của thị trường bất động sản, khả năng kiểm soát dịch COVID-19 và các dịch bệnh khác, thiên tai, biến đổi khí hậu...

2.2. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024: Bám sát và phấn đấu để đạt được mục tiêu Nghị quyết đại hội các cấp.

2.3. Các chỉ tiêu KT-XH chủ yếu

Các cơ quan, đơn vị đề xuất xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu KT-XH chủ yếu năm 2024 đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế triển khai thực hiện và lộ trình phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2021 - 2025.

2.4. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu

- Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong những năm qua; không chủ quan, tự mãn với thành tích đã đạt được; quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân trong giải quyết công việc.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện. Mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng. Thu hút đẩy mạnh đầu tư nhà máy chế biến, công nghệ sơ chế, bảo quản theo hướng chế biến sâu, phục vụ xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ và xuất khẩu nông sản an toàn trong tỉnh.

- Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trên các lĩnh vực. Nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị, phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp. Tập trung vào các nông sản chủ lực của tỉnh nhằm tạo sản phẩm có năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Phát triển kinh tế du lịch; tập trung thu hút các nguồn lực đầu tư Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững, an toàn cho mọi người, lấy người dân, du khách là trung tâm.

- Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo hướng đồng bộ. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ

thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các công trình trọng điểm. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, năng lượng, đô thị, nông thôn... và hạ tầng giáo dục, y tế, dịch vụ công cộng ... Gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn trong triển khai các Chương trình mục tiêu Quốc gia. Tiếp tục quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu (*điện, đường, trường, trạm,...*) cho những xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc Sơn La, xây dựng con người phát triển toàn diện. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số; phòng, chống dịch bệnh; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện các quyền trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; chú trọng bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh, trồng mới rừng hàng năm, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng. Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực trong hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các cơ quan, đơn vị cụ thể hóa các cơ chế, giải pháp, chính sách để thực hiện thành công kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024. Cơ chế, giải pháp, chính sách phải bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành và từng địa phương.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2024 - 2026

I. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2024, là năm thứ ba thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025, năm có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu vượt mức, toàn diện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV quyết nghị. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026 tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo sát với kết quả thực hiện năm 2023 của địa phương, có tính dự báo năm 2024 và giai đoạn 2024 - 2026.

II. NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG

1. Nguyên tắc

Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026, phải thống nhất với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn và Kế hoạch Tài chính 05 năm địa phương 2021 - 2025, các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Việc triển khai xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 phải đảm bảo tính hệ thống, công khai, minh bạch, công bằng, có sự phối hợp thống nhất chỉ tiêu chung của tỉnh và chỉ tiêu của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, đảm bảo nguyên tắc tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

2. Yêu cầu

Đánh giá sát, đúng thực chất tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 và tình hình thực hiện năm 2023, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ được giao; thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 và ước thực hiện cả năm 2023; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích nguyên nhân, để xây dựng các giải pháp khắc phục.

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong lĩnh vực tài chính ngân sách năm 2023, dự báo tình hình trong nước, trong tỉnh năm 2024 và các năm tiếp theo. Các sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và giai đoạn 2024 - 2026.

3. Định hướng xây dựng

Đẩy mạnh thực hiện chính sách tài khóa hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, phân bổ hiệu quả các nguồn lực tài chính, góp phần kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, hoàn thành kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện chính sách cải cách tiền lương và chính sách bảo hiểm gắn với việc sắp xếp lại

tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; đảm bảo các khoản chi cho con người, chi an sinh xã hội, chi thực hiện các chương trình, mục tiêu trọng điểm và chi cho quốc phòng, an ninh; kiểm soát bội chi, nợ chính quyền địa phương theo mục tiêu đề ra.

III. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, diễn biến của nền kinh tế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN, đi đôi với nuôi dưỡng nguồn thu. Tập trung phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính trong nước và trên địa bàn tỉnh để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2023 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2024. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn thời gian nộp thuế, giảm phí, lệ phí. Tiếp tục thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2024 tăng khoảng 8 - 10% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (*không kể các khoản thu có tính chất ổn định như thu từ thủy điện, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết... và loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách*). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh và trên từng địa bàn huyện, thành phố.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (*trong đó có nhà, đất*), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (*sau khi trừ đi các chi phí có liên quan*) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn

với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mỗi khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII).

Phân đầu cân đối nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở ở những nơi cần thiết, cấp bách, tăng cường năng lực phòng chống dịch bệnh; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Chủ động rà soát các chính sách nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và kết quả thực hiện các chính sách, nhiệm vụ trong năm 2023, khả năng triển khai thực hiện năm 2024 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN.

Khi xây dựng dự toán NSNN năm 2024, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố lưu ý một số nội dung:

2.1. Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) và Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng, dầu ... đồng thời tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

2.2. Xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2.3. Không bố trí chi thường xuyên đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2.4. Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, khả năng thực hiện và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, các cơ quan được giao là chủ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu thực hiện theo hướng dẫn các Bộ, cơ quan Trung ương về lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

Các sở, ngành và các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn ngân sách trung ương, nguồn đối ứng ngân sách địa phương, nguồn vốn ngoài nước (nếu có), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và cơ quan chủ quản chương trình tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo các bộ, ngành Trung ương theo quy định.

2.5. Cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

2.6. Dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công: Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện các nội dung theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các nội dung tại Chỉ thị này, các cấp, các ngành thực hiện một số yêu cầu sau:

3.1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ chỉ tiêu pháp lệnh thu của HĐND tỉnh giao và đánh giá những tác động của thiên tai, dịch bệnh đến sản xuất, kinh doanh, nguồn thu ngân sách để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2023 trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, tình hình biến động giá cả, thị trường, sự phục hồi của nền kinh tế...

3.2. Dự toán chi ngân sách địa phương

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSDP theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm

2021 - 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2024 của địa phương; các chế độ, chính sách do Trung ương, tỉnh ban hành theo thẩm quyền, xây dựng dự toán chi NSDP, chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2024 - 2026

Trên cơ sở dự toán NSNN năm 2024, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, các Nghị quyết của Trung ương khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội các cơ quan, đơn vị, lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2024 - 2026 thuộc phạm vi quản lý, theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành, gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định.

Tùy điều kiện, đặc điểm và mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố xây dựng cụ thể các chỉ tiêu dự báo trung hạn 03 năm 2024 - 2026 về thu ngân sách; dự kiến tổng chi ngân sách, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên phân cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2024 - 2026 phù hợp với khả năng cân đối thu ngân sách địa phương, trong đó đảm bảo chi thường xuyên bao gồm đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội đến thời điểm dự toán 2024 được cấp có thẩm quyền ban hành.

C. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đảm bảo thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển KT-XH 05 năm 2021 - 2025 và Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024. Việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó:

- Xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021 - 2025 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án trong năm 2024; khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 cho từng dự án không được vượt mức vốn đã bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 trừ đi số lũy kế vốn đã bố trí trong kế hoạch đến năm 2023.

D. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021 - 2025

I. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 05 NĂM 2021 - 2025

Các sở, ngành, địa phương đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025, bao gồm: Bối cảnh triển khai thực hiện; các kết quả đạt được (*trong đó có công tác chỉ đạo, tổ chức và phối hợp thực hiện*); các hạn chế, yếu kém, nguyên nhân (*nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan*) và bài học kinh nghiệm.

Trong đó:

1. Các sở, ngành đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025; Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2. UBND các huyện, thành phố đánh giá theo Quyết định của UBND các huyện, thành phố ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh và HĐND huyện về Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm 2021 - 2025 của địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được HĐND tỉnh, HĐND các cấp phê duyệt, nội dung đánh giá kế hoạch thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 70 Luật Đầu tư công, gồm: Mức độ đạt được so với kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tác động của kế hoạch đầu tư công trong việc thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác và kết quả phát triển KT-XH; Tính khả thi của kế hoạch đầu tư công; Tình hình quản lý đầu tư công; Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và các giải pháp xử lý.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và kế hoạch đầu tư công năm 2024; đánh giá giữa kỳ kế hoạch phát triển KT-XH, kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025.

Chủ trì tổng hợp, xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 trình UBND tỉnh, báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 7 năm 2023, trình xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh trước ngày 25 tháng 7 năm 2023 và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2023.

Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của các cơ quan, đơn vị.

Chủ trì tổng hợp, xây dựng Báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021 - 2025, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2. Sở Tài chính

Căn cứ Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và chỉ đạo của UBND tỉnh, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026.

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan tổng hợp, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 7 năm 2023.

3. Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố

Hướng dẫn các đơn vị, chính quyền cơ sở xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH, Kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách năm 2024, đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Kế hoạch đầu tư công 05 năm 2021 - 2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

Xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH, Kế hoạch đầu tư công, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2024 - 2026 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và của ngành mình, cấp mình theo các nội dung và yêu cầu nêu trên trình cấp có thẩm quyền; đồng thời gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp trước ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan liên quan, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp, cộng đồng dân cư, nhất là các nhà đầu tư và doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp... về dự thảo kế hoạch và dự toán năm 2024 nhằm tạo sự đồng thuận cao, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Báo cáo kết quả đánh giá giữa kỳ tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021 - 2025, báo cáo UBND tỉnh qua Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện, trường hợp có những quan điểm, chủ trương mới, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính rà soát, tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các Huyện ủy, Thành ủy (p/h);
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các DNNN trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT Thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải).

(b/c)

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 990/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh
thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ
về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động
thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ
về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích
ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 223/TTr-SKHĐT
ngày 19 tháng 5 năm 2023,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Sơn La;
- Hiệp hội DN tỉnh;
- Ngân hàng NN, Ngân hàng chính sách chi nhánh tỉnh Sơn La;
- VP UBND tỉnh (LĐ, các phòng ND, TT Thông tin);
- Lưu: VT, TH(V.Hải).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ
về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động
thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030**
(Kèm theo Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030.

- Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết của Trung ương nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững cả về số lượng, chất lượng, thực sự trở thành lực lượng tiên phong, nòng cốt, quan trọng đảm bảo tính tự chủ của nền kinh tế.

- Chương trình hành động là căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, lồng ghép vào các chương trình, nhiệm vụ của đơn vị tổ chức triển khai thực hiện góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong việc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, Kế hoạch của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về khuyến khích phát triển doanh nghiệp; bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp, không phân biệt loại hình, thành phần kinh tế trong cơ hội tiếp cận các nguồn lực và chính sách.

- Tiếp tục đồng hành, hỗ trợ tối đa cho các doanh nghiệp phát triển, đảm bảo tính nhất quán, ổn định, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả và thực chất của các chính sách; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, thuận lợi, an toàn và thân thiện, kịp thời tháo gỡ các rào cản, khó khăn cho doanh nghiệp, coi đây là nhiệm vụ chính trị hàng đầu.

- Đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, đô thị thông minh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cho người dân và doanh nghiệp; tập trung triển khai có hiệu quả các Kế hoạch về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La hàng năm; phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và kinh doanh bền vững; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp có khả năng dẫn dắt trong một số ngành, lĩnh vực tiềm năng tạo động lực tăng trưởng mới và thực hiện các mục tiêu bền vững.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao tinh thần, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

B. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp chủ động thích ứng với tình hình mới, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và phục hồi nhanh, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; lớn mạnh về số lượng và chất lượng, góp phần xây dựng nền kinh tế Sơn La phát triển xanh, nhanh, bền vững, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phấn đấu đến hết năm 2025, toàn tỉnh Sơn La có khoảng 4.000 doanh nghiệp, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 thành lập mới thêm khoảng 1.600 doanh nghiệp, số doanh nghiệp tư nhân thành lập mới bình quân mỗi năm khoảng 320 doanh nghiệp, tổng số lao động trong doanh nghiệp khoảng 100.000 người, tổng thu nhập bình quân người lao động 7,5 triệu đồng/tháng. Tổng đóng góp cho ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 4.915 tỷ đồng.

- Khoảng 30% tổng số doanh nghiệp có hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; có 100 doanh nghiệp được nhận các hỗ trợ từ Chương trình như sử dụng công cụ tự đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, hỗ trợ đào tạo, tư vấn, kết nối các giải pháp; tối thiểu 50 doanh nghiệp/năm được trải nghiệm các nền tảng số để chuyển đổi số doanh nghiệp.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NGẮN HẠN

1. Tháo gỡ các vướng mắc, rào cản về pháp lý nhằm khơi thông nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để tạo ra kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển; có cơ chế lồng ghép nguồn lực các chương trình dự án xã hội hóa, đẩy mạnh hơn nữa hợp tác công - tư, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, tranh thủ mọi nguồn lực xã hội.

- Tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh hàng năm; kịp thời tham mưu, tăng cường phân tích, dự báo; rà soát kỹ, cập nhật các kịch bản tăng trưởng và các giải pháp chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng được giao; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền các nhiệm vụ, giải pháp giữ vững ổn định kinh tế.

- Hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư các quy định về trình tự thực hiện các thủ tục đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh trên tinh thần của Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021; rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Nhanh chóng hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La.

1.2. Sở Tài chính

Tiếp tục xử lý dứt điểm những vướng mắc, bất cập trong việc xử lý các loại thuế, phí, lệ phí, quản lý tài sản và xác định giá đất, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

1.3. Sở Xây dựng

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo quy định tại Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; trong đó tiếp tục duy trì, cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

- Theo sát diễn biến tình hình thị trường bất động sản, tăng cường công tác thông tin dự báo, kịp thời có giải pháp ứng phó khi thị trường có biến động bất thường, kịp thời rà soát, xử lý nhanh các thủ tục đầu tư, xây dựng đối với các dự án bất động sản trên địa bàn đã đáp ứng đủ điều kiện để các doanh nghiệp bất động sản, xây dựng sớm triển khai theo quyết định đầu tư được phê duyệt, sớm hoàn thành, đưa sản phẩm ra thị trường và tăng cường huy động vốn của các doanh nghiệp bất động sản, xây dựng.

- Nghiên cứu, phối hợp với Công an tỉnh đề xuất với Bộ Xây dựng rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy đối với các công trình xây dựng.

- Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất với cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản

lý dự án, quản lý chi phí, định mức xây dựng, vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng thi công và hợp đồng xây dựng.

1.4. Sở Giao thông vận tải

- Tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu với UBND tỉnh các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh (*cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La và Cảng hàng không Nà Sản*).

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và các chủ đầu tư rà soát, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

- Tập trung tham mưu đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Sơn La theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó chú trọng phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn để tạo thuận lợi trong việc đi lại, lưu thông hàng hóa, giảm thiểu thời gian di chuyển, chi phí vận tải, Logistics, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp và các mặt hàng nông sản của tỉnh.

- Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, kết cấu hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải (*bến xe khách, trạm đăng kiểm, trạm dừng nghỉ...*), bến cảng thủy nội địa, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, cạnh tranh lành mạnh; khuyến khích mọi thành phần kinh tế, trong đó trọng tâm là các doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, đào tạo, đăng kiểm...

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, kịp thời công bố, công khai, minh bạch các thông tin về quy hoạch, kế hoạch đầu tư, luồng tuyến vận tải... theo quy định để các doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận, khai thác các thông tin phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; thường xuyên tổ chức các buổi đối thoại với doanh nghiệp để có thể lắng nghe những ý kiến, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ hoặc tham mưu với cấp có thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nói riêng và khu vực kinh tế tư nhân nói chung trên địa bàn tỉnh phát triển.

1.5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất giải quyết các thủ tục về hồ sơ đất đai, thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản và thực hiện các thủ tục về môi trường đảm bảo điều kiện để triển khai thực hiện dự án. Tạo điều kiện thuận lợi để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận thị trường đất đai, tài nguyên một cách minh bạch, bình đẳng.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đề sớm triển khai theo quyết định được phê duyệt.

1.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đẩy mạnh phát triển, tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; gắn kế hoạch chuyển giao, ứng dụng công nghệ với kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái.

1.7. Sở Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục tham mưu, thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá; Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2021 về Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá.

1.8. Thanh tra tỉnh

- Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố thống nhất chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành theo quy định của Luật Thanh tra năm 2022. Đảm bảo thực hiện nghiêm Nghị quyết số 58/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030 và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; đặc biệt giảm triệt để việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra thuế, bảo hiểm xã hội và các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành khác.

- Công tác thanh tra cần phải đảm bảo mục tiêu phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm đồng thời hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật. Quá trình thanh tra đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công

khai, dân chủ; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được thanh tra. Không thanh tra ngoài kế hoạch trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền giao, hoặc khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Chuyển từ phương pháp tiền kiểm sang hậu kiểm, xử lý nghiêm các đối tượng lợi dụng, vi phạm quy định trong quá trình thực hiện chính sách.

1.9. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Kịp thời rà soát, chủ động tiếp cận, nắm bắt vướng mắc, khó khăn của các nhà đầu tư hiện hữu; khẩn trương xử lý triệt để cho doanh nghiệp, không để khó khăn tồn đọng kéo dài; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư tại địa phương, xử lý nhanh, không đùn đẩy, né tránh.

- Rà soát, giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án đã đủ điều kiện, đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện, sớm phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, khơi thông nguồn lực cho đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, nguồn lực hỗ trợ của nhà nước

2.1. Sở Tài chính

- Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp về thuế, phí để trình cấp có thẩm quyền quyết định, tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh nhất là trong lĩnh vực thuế, hải quan.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố làm tốt công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên,...

- Tham mưu, xây dựng khung giá đất sát với giá thực tế trên thị trường; rút ngắn thời gian xác định giá đất cụ thể.

2.2. Sở Xây dựng

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức rà soát, xây dựng, tham mưu trình UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho các công trình đặc thù (nếu có).

- Tổ chức đăng tải các định mức kinh tế - kỹ thuật đặc thù của địa phương, công bố giá vật liệu xây dựng lên trang thông tin điện tử của tỉnh, của Sở, đồng thời cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu định mức, đơn giá và giá xây dựng của Bộ Xây dựng để tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp... thuận tiện trong việc tra cứu, áp dụng.

- Kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ giá vật liệu xây dựng, thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến thị trường xây dựng để kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

2.3. Sở Công thương

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong bối cảnh thị trường xăng dầu trong nước, thế giới có nhiều diễn biến phức tạp.

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh hàng năm và giai đoạn.

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tận dụng tối đa mọi nguồn lực, thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm chi phí nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2.5. Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La

- Cấp tín dụng hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ và của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Tích cực tham gia và triển khai hiệu quả, thiết thực Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ được giao của ngành ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục; đẩy mạnh mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

2.6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 - 2025.

- Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trong đó tập trung vào những thủ tục hành chính liên quan đến thuế, đăng ký kinh doanh, đầu tư, đất đai, môi trường, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh khác có liên quan... Công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, thủ tục hành chính và các mức thu phí, lệ phí tại các sở, ngành, đơn vị và thực hiện đúng những nội dung đã được niêm yết, công khai.

- Công khai các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh để các thành phần kinh tế dễ dàng tiếp cận và lựa chọn địa bàn, ngành nghề đầu tư có lợi. Đối xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận ưu đãi, hỗ trợ, tiếp cận nguồn vốn, cơ chế chính sách, giải quyết khó khăn, vướng mắc, đảm bảo bình đẳng trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Thường xuyên cập nhật, rà soát, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý liên quan đến cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư.

3. Khắc phục đứt gãy chuỗi cung ứng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước

3.1. Sở Công thương

- Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm, liên kết, hợp tác mở rộng các kênh phân phối hàng hóa. Hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư mở rộng sản xuất, đăng ký thương hiệu, hỗ trợ thương mại điện tử, phát triển thị trường công nghệ, tổ chức cho các doanh nghiệp có nhiều cơ hội quảng bá, giao thương sản phẩm tại các hội chợ trong tỉnh, ngoài tỉnh và khu vực.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Tăng cường ứng dụng thương mại điện tử trong tiếp cận thị trường.

- Thường xuyên trao đổi với các đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành, các địa phương có các cửa khẩu biên giới để nắm bắt thông tin về tình hình thông quan tại các cửa khẩu, kịp thời có các giải pháp hỗ trợ giải quyết các khó khăn phát sinh trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu biên giới.

3.2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Phối hợp với Sở Công thương thực hiện tốt chuỗi cung ứng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và tiếp tục thực hiện đầy mạnh các giải pháp trong hoạt động phát triển sản xuất, xuất khẩu cho doanh nghiệp, hợp tác xã theo văn bản số 1677/UBND-KT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh.

4. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tạo cơ hội, ổn định việc làm cho người lao động, đẩy mạnh triển khai chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động.

4.1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025”.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp, người lao động và xã hội về ý nghĩa,

tầm quan trọng của việc dạy nghề gắn với giải quyết việc làm. Phát triển giáo dục nghề nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giải quyết tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp tối đa và nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống an sinh xã hội cho mọi người dân.

- Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hoá cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo; Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động; Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Sơn La với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các tỉnh bạn.

- Đa dạng hoá phương thức đào tạo, bồi dưỡng. Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh

- Thực hiện các biện pháp tăng cường tiếp cận doanh nghiệp để theo dõi, nắm bắt nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp để kịp thời cung cấp cho thị trường lao động. Xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng, hiệu quả nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí đào tạo, chi phí tuyển dụng của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

4.2. Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La: Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiệu quả các nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động.

4.3. UBND các huyện, thành phố: Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn, hỗ trợ tạo việc làm ổn định cho người lao động; giúp người lao động tiếp cận và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP DÀI HẠN

1. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

1.1. Sở Xây dựng

- Tập trung nghiên cứu, phối hợp rà soát các bất cập do quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật còn chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng và tài nguyên, môi trường.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành Xây dựng làm cơ sở cho doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư, sản xuất kinh doanh có tầm nhìn dài hạn, bền vững.

- Rà soát cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số, triển khai dịch vụ công trực

tuyến, trong đó đặc biệt là thủ tục cấp giấy phép xây dựng, cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho doanh nghiệp...; Kịp thời công bố, công khai các thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân khai thác, thực hiện.

1.2. Sở Công thương

- Chủ động rà soát, kiến nghị với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật liên quan thuộc lĩnh vực ngành Công Thương quản lý còn mâu thuẫn, chưa phù hợp.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính để giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp, người dân, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, từng bước thực hiện chính phủ điện tử cải tiến hình thức cung cấp dịch vụ công theo hướng trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.

- Tiếp tục phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tập trung hoàn thành quy hoạch tỉnh và các phương án thuộc lĩnh vực Công Thương để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh làm cơ sở cho doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư, sản xuất kinh doanh có tầm nhìn dài hạn, bền vững.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức đối thoại giữa Giám đốc Sở với nhân dân và doanh nghiệp hàng năm nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đánh giá thực chất quá trình xử lý kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương triển khai thực hiện quả các đề án, chương trình, chiến lược về thương mại trong giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm: Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, Chương trình phát triển thương mại điện tử; Chiến lược phát triển thương mại trong nước trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Tham mưu triển khai chiến lược phát triển các ngành công nghiệp chế biến, năng lượng,... làm căn cứ cho các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh dài hạn, bền vững.

1.3. Sở Tư pháp

Tiếp tục chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025 và Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2030.

1.4. Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La

- Điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, chủ động, kịp thời, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ, hài hòa với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, trọng tâm, trọng

điểm và các chính sách khác phù hợp với tình hình, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng.

- Tham mưu quản lý nhà nước về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và hoạt động ngân hàng trên địa bàn. Nắm bắt kịp thời các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách và những khó khăn, vướng mắc trong thực tế triển khai, tập trung tháo gỡ, xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền; báo cáo, đề xuất, tham mưu chỉnh sửa cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn.

1.5. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tỉnh uỷ Sơn La về phát triển doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025; Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến năm 2025.

- Tiếp tục rà soát, giải quyết các quy định bất cập, chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường. Chủ động đề xuất với cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục, các quy định gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát các bộ thủ tục hành chính trong phạm vi, trách nhiệm của mình để giảm bớt hoặc loại bỏ những thủ tục hành chính trùng lặp, không cần thiết; thực hiện rà soát các quy trình xử lý công việc, đảm bảo thông suốt, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường, thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử. thực hiện có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại các cơ quan, đơn vị.

- Công khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, các văn bản quy phạm pháp luật, các thủ tục hành chính, danh mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh... Cung cấp đầy đủ, nhanh chóng tới các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người dân khi có yêu cầu.

2. Thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Lồng ghép các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số với các chương trình, chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp của Trung ương, các khóa đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp do đơn vị phối hợp tổ chức; bố trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương, ưu tiên cho các dự án xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của của tỉnh.

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch lộ trình phát triển mạng cáp quang băng rộng, mạng di động 4G, 5G, bảo đảm hạ tầng số phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Lồng ghép các nội dung phát triển nguồn nhân lực công nghệ số trong các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin được xây dựng hàng năm.

- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp nền tảng phục vụ chuyển đổi số, xây dựng danh mục các nhóm nền tảng số phù hợp với việc chuyển đổi số của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; tổng hợp danh sách tìm kiếm, đánh giá, lựa chọn các doanh nghiệp tiềm năng, ưu tiên lĩnh vực sản xuất, chế biến, nông nghiệp, du lịch... để sớm hỗ trợ chuyển đổi số.

2.3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, cải tiến, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm năng lượng; chuyển đổi sản xuất theo hướng sản xuất tuần hoàn, sản xuất xanh nhằm giảm thiểu chi phí sản xuất, tăng cường năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Triển khai các chương trình kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá mô hình kinh doanh hiện có và tư vấn cải tiến, chuẩn hóa quy trình quản trị doanh nghiệp nhằm tìm kiếm mô hình kinh doanh tối ưu, hiệu quả, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành cho doanh nghiệp.

- Kết nối các doanh nghiệp với các trường Đại học, Cao đẳng, các Trung tâm nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu phát triển cho doanh nghiệp.

- Tìm kiếm và phát triển các doanh nghiệp dẫn dắt trong các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh; thúc đẩy các doanh nghiệp dẫn dắt đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế đặc thù cho doanh nghiệp có những đóng góp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh như chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp thành lập Quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, đầu tư vào nghiên cứu phát triển; cơ chế cho doanh nghiệp có các hoạt động dẫn dắt doanh nghiệp nhỏ phụ trợ và các doanh nghiệp có các hoạt động đầu tư cho các dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021 - 2030.

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tiếp tục hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân tham gia các hoạt động trong nông nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp. Xây dựng, triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao công tác quản lý cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi; cấp, quản lý mã số vùng trồng; giống cây trồng... trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành "Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn" tạo tiền đề thúc đẩy chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất, tiêu dùng.

2.5. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông qua các hoạt động truyền thông như: Báo điện tử, mạng xã hội, kênh truyền thanh, truyền hình của địa phương...; tổ chức các chuyên mục, chuyên đề, lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 triển khai thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La về Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025.

3. Hỗ trợ tái cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp 4.0

3.1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh tăng cường công tác phối hợp, liên kết với các trường, học viện, cơ sở đào tạo của trung ương; gắn kết các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, mở rộng hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng

của doanh nghiệp và thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nhân lực; Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, rà soát, sửa đổi bổ sung chương trình dạy nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chủ động phối hợp, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng số nhằm nâng cao trình độ cho người học đáp ứng mục tiêu nguồn nhân lực chất lượng, đặc biệt chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và người dân tộc thiểu số.

- Đào tạo nghề theo nhu cầu nhằm tạo ra sự cân bằng trong đào tạo và sử dụng nhân lực ở các ngành nghề và các thành phần kinh tế; Tăng cường đào tạo các nghề trọng điểm đã được phê duyệt, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tập trung vào rèn kỹ năng nghề, gắn kết các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp; đẩy mạnh đào tạo theo địa chỉ, nhu cầu của doanh nghiệp, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: *Nghệ vụ về du lịch, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến, ICT...*

- Tăng cường các hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm, thông tin, tuyên truyền bằng hình thức trực tuyến, kết nối thị trường lao động, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc làm, chính sách lao động đến người lao động tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập; Tăng cường truyền thông và đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông qua các hình thức trực tuyến....

3.2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thành phố

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đẩy mạnh các hoạt động phát triển đổi mới sáng tạo (*đánh giá sát, đúng thực trạng nhân lực của địa phương, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của địa phương mình, đặc biệt là các ngành mũi nhọn tiềm năng của tỉnh*), nâng cao kỹ năng, chuyển đổi ngành nghề cho người lao động.

4. Tăng cường hiệu quả triển khai các chính sách và nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập quốc tế, nắm bắt và đón đầu các xu hướng kinh doanh mới, xu hướng thị trường mới

4.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đơn đốc triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch về phát triển kinh tế tư nhân; Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp một cách có hiệu quả trong hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch; hỗ trợ cung cấp thông tin, tư vấn miễn phí các thủ tục, chính sách ưu

đầu tư...; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận, tìm kiếm dịch vụ hỗ trợ;

- Phối hợp với các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tổ chức các lớp tập huấn, khóa đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp về khởi nghiệp kinh doanh, quản trị doanh nghiệp... để nâng cao năng lực điều hành doanh nghiệp.

4.2. Sở Tài chính

Ưu tiên cân đối, bố trí nguồn chi thường xuyên triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh bền vững, chuyển đổi cơ cấu, công nghệ sang hướng hiện đại, giảm thải Cacbon theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định khác có liên quan.

4.3. Sở Công thương

- Đổi mới và đa dạng hóa hình thức, nội dung của các chương trình xúc tiến thương mại, chương trình khuyến công. Tăng cường công tác tập huấn, đào tạo, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp về các Hiệp định thương mại tự do, các yêu cầu, rào cản kỹ thuật của các thị trường quốc tế.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Thúc đẩy hoạt động quảng bá và phát triển thị trường các sản phẩm thân thiện với môi trường, phát thải các-bon thấp. Đáp ứng nhu cầu của thị trường và thỏa mãn sự quan tâm của khách hàng đối với các sản phẩm mới, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

4.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các giải pháp hỗ trợ hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các mặt hàng nông sản. Tận dụng tối đa sức tiêu thụ của thị trường trong nước. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách thu hút thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số, nông nghiệp sinh thái; phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nói riêng; thu hút đầu tư vào tỉnh Sơn La nói chung.

- Ban hành và triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ tiếp cận thông tin hoa học, kỹ thuật, thị trường; hỗ trợ nghiên cứu chuyển

giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; Bảo hiểm nông nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; đất đai; tài chính, tín dụng; đầu tư; thuế; phát triển nguồn nhân lực.

4.5. Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng, nhất là các ngân hàng thương mại nhà nước, tiếp tục nỗ lực giảm mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cân bằng hợp lý, linh hoạt, hiệu quả với lạm phát, kịp thời thúc đẩy mở rộng tín dụng phù hợp với xu hướng lạm phát giảm và yêu cầu thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh tập trung vốn cho vay đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực kinh tế xanh, giảm thải các-bon phục vụ mục tiêu tăng trưởng xanh theo quy định của pháp luật.

4.6. Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố

Tập trung mọi nguồn lực hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhanh, bền vững; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào các nội dung của Chương trình hành động này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện/thành phố, các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền đầy đủ Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của tỉnh về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2030 nhằm nâng cao nhận thức, hành động và trách nhiệm cho đối ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể xã hội.

- Cụ thể hóa bằng các văn bản quy định cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của UBND tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp, đa dạng các kênh thông tin nắm bắt thông tin từ doanh nghiệp; tiếp tục xây dựng và duy trì gặp gỡ định kỳ giữa lãnh đạo UBND tỉnh và doanh nghiệp; theo dõi tiến độ trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Kịp thời tổng hợp kiến nghị, khó khăn và vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý để xử lý hoặc báo cáo UBND tỉnh, các ngành chức năng có thẩm quyền giải quyết.

- Xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây khó khăn, những nhiều doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình vào kế hoạch của đơn vị phù hợp với thực tế, đúng các quy định hiện hành. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời có văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác phát triển thành viên, hội viên, phát huy vai trò là tiếng nói của doanh nghiệp và cầu nối giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước. Nắm bắt những ý tưởng, sáng kiến từ doanh nghiệp, nghiên cứu, đánh giá các thách thức, xu thế thị trường, kịp thời chia sẻ, tư vấn cho hội viên và đề xuất các giải pháp phát triển doanh nghiệp bền vững.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp thành viên trong Hội, Hiệp hội gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình này, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị kịp thời báo cáo UBND tỉnh./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CT-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 6 năm 2023

CHỈ THỊ**Về việc tăng cường tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh Sơn La
giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo**

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo, trong đó xác định sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả là giải pháp quan trọng, cấp bách nhằm tiếp tục duy trì ổn định an ninh năng lượng, phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế đất nước trong thời gian tới.

Trong bối cảnh nguồn cung ứng điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo của cả nước còn nhiều khó khăn, nhu cầu sử dụng điện vẫn tiếp tục tăng ở mức cao, tiềm ẩn nguy cơ thiếu điện cho sản xuất, sinh hoạt, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã - hội. Phát huy kết quả thực hiện các giải pháp đảm bảo sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả góp phần đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất việc ngừng, giảm cấp điện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo điện phục vụ đời sống sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 81/TTr-SCT ngày 20 tháng 6 năm 2023. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; Công ty Điện lực Sơn La và các tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân tỉnh Sơn La thực hiện nghiêm việc tiết kiệm điện, tập trung triển khai các nội dung và biện pháp cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ chung

a) Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo; Công điện số 517/CĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2023; Công điện số 397/CĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các biện pháp cấp bách ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành

Kế hoạch thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổ chức quán triệt sâu sắc về ý nghĩa, trách nhiệm của mỗi công dân, tổ chức, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tiết kiệm điện. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và công dân Sơn La phải nhận thức rõ sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả vừa là trách nhiệm vừa là thể hiện lòng yêu nước, là góp phần giúp cho mọi người có cơ hội được sử dụng điện, giảm thiểu tình trạng phải cắt điện luân phiên, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả là một trong những chỉ tiêu đánh giá về ý thức trách nhiệm, chấp hành kỷ luật trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua khen thưởng hàng năm của các tổ chức, cá nhân, địa phương. Người đứng đầu chịu trách nhiệm đối với những trường hợp vi phạm các quy định về tiết kiệm điện tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình phụ trách.

- Thực hiện nghiêm các hành vi tiết kiệm điện: Tắt các thiết bị điện khi ra khỏi phòng, cắt hẳn nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị điện; chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật sự cần thiết và sử dụng ở chế độ, mức nhiệt độ phù hợp (*chế độ làm lạnh từ 26 độ C trở lên*), kết hợp với quạt gió. Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên.

b) Thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan, công sở

- Các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp với Công ty Điện lực Sơn La xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện cho đơn vị mình, đảm bảo hàng năm tiết kiệm tối thiểu 5,0% (*so với tổng điện năng tiêu thụ trong năm*), khuyến khích tiết kiệm 10% tổng điện năng tiêu thụ. Tiết kiệm ít nhất 50% sản lượng điện tiêu thụ cho hệ thống điều hoà không khí trong những tháng cao điểm nắng nóng (*tháng 5,6,7 hàng năm*).

- Khi trang bị, mua sắm hoặc cải tạo phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định của Chính phủ hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng, đèn năng lượng mặt trời; nghiêm cấm thay thế, mua sắm mới đèn nung sáng (*đèn sợi đốt*).

- Tận dụng và huy động các nguồn lực để lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời mái nhà, hệ thống đun nước nóng từ năng lượng mặt trời để giảm tiêu thụ điện từ hệ thống điện quốc gia.

- Đôn đốc, rà soát và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy và các quy định hiện hành về tiết kiệm điện tại cơ quan đơn vị, kịp thời nhắc nhở, kiểm điểm và xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về tiết kiệm điện.

c) Tiết kiệm điện tại các cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ

- Các siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng, cơ sở lưu trú, cửa hàng, cửa hiệu, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại, tổ hợp văn phòng, chung cư...

phải xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về sử dụng điện, quy tắc về sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả, phổ biến thực hiện nội quy tiết kiệm điện của cơ sở cho khách hàng biết và thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch, kịch bản phối hợp với các công ty điện lực trong cắt giảm phụ tải. Tiết kiệm ít nhất 50% sản lượng điện tiêu thụ cho hệ thống điều hoà không khí trong những tháng cao điểm nắng nóng (*tháng 5, 6, 7 hàng năm*).

- Triển khai chương trình khuyến khích sử dụng nguồn năng lượng tại chỗ bằng các nguồn năng lượng tái tạo, các thiết bị điện sử dụng năng lượng tái tạo

d) Tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời

- Công ty Môi trường đô thị Sơn La, các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực Sơn La xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện, đảm bảo tối thiểu tiết kiệm 30% tổng điện năng tiêu thụ giai đoạn 2023 - 2025 cho các hoạt động chiếu sáng.

- Khi đầu tư, cải tạo, nâng cấp các hệ thống chiếu sáng phải áp dụng giải pháp công nghệ tiết kiệm điện, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện theo quy định; áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng mặt trời cho các thiết bị phục vụ mục đích quảng cáo, trang trí, chiếu sáng công cộng; Đẩy nhanh quá trình thực hiện tự động hóa chiếu sáng theo khung thời gian và điều kiện thời tiết của các công trình chiếu sáng công cộng.

- Các nhà hàng, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại, tổ hợp văn phòng và tòa nhà chung cư,...sử dụng các đèn trang trí, đèn chiếu sáng, đèn quảng cáo bằng đèn tiết kiệm điện; áp dụng công nghệ điều khiển tự động trong chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời.

Trong những tháng cao điểm nắng nóng (*tháng 5, 6, 7 hàng năm*), thực hiện các giải pháp để giảm tối thiểu 50% công suất chiếu sáng quảng cáo trang trí ngoài trời.

e) Thực hiện tiết kiệm điện tại các hộ gia đình

- Các hộ gia đình thực hiện đồng bộ các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, phấn đấu mỗi gia đình tiết kiệm 5% lượng điện tiêu thụ.

- Chỉ mua sắm, sử dụng các thiết bị điện có dán nhãn năng lượng, có công suất phù hợp như: Đèn huỳnh quang ống thẳng, đèn huỳnh quang compact, chấn lưu điện từ và điện tử cho đèn huỳnh quang, máy điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh, máy giặt sử dụng trong gia đình, nồi cơm điện, quạt điện, tivi, đèn LED, bình đun nước nóng có dự trữ.

- Khuyến khích lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà tự dùng cho nhu cầu sử dụng tại chỗ, hệ thống đun nước nóng từ năng lượng mặt trời.

f) Thực hiện tiết kiệm điện tại doanh nghiệp sản xuất

- Các doanh nghiệp sản xuất xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả: đảm bảo sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải; thực hiện kế hoạch sản xuất hợp lý; hạn chế tối đa việc huy động các thiết bị, máy móc có công suất tiêu thụ điện lớn vào giờ cao điểm; hạn chế tối đa các thiết bị điện hoạt động không tải, sử dụng các thiết bị được dán nhãn năng lượng hiệu suất cao; Giảm thiểu việc sử dụng điện cho hệ thống điều hoà làm mát không khí, ...

Các cơ sở sử dụng năng lượng có điện năng tiêu thụ từ 01 triệu kWh/năm trở lên phải tiết kiệm ít nhất 2% điện năng tiêu thụ trên một đơn vị sản phẩm mỗi năm hoặc phải tiết kiệm ít nhất 2% tổng điện năng tiêu thụ trong năm.

- Lắp đặt, tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sinh khối,... vào hệ thống năng lượng nội bộ; Chủ động trang bị máy phát điện dự phòng để huy động phát điện trong trường hợp xảy ra thiếu điện.

- Xây dựng, triển khai áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018. Thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ, xây dựng và thực hiện các mục tiêu, giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Giao Sở Công thương

- Thường xuyên theo dõi, phối hợp, đôn đốc các sở, ban ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị này, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp Công ty Điện lực Sơn La, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền quy định của Nhà nước, của tỉnh về tiết kiệm điện, về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

- Thực hiện các biện pháp quản lý nhu cầu điện; kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung tại Chỉ thị này; báo cáo kết quả thực hiện về UBND

b) Giao Công ty Điện lực Sơn La

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các hoạt động tư vấn tiết kiệm điện, quảng bá thiết bị tiết kiệm điện, xây dựng và nhân rộng các mô hình mẫu về sử dụng điện tiết kiệm và tổ chức các cuộc vận động, cuộc thi chuyên đề về tiết kiệm điện rộng rãi trong nhân dân, trong các trường học, tạo nhận thức và trở thành phong trào sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và an toàn.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng, chính quyền các địa phương và các cơ quan thông tin đại chúng hướng dẫn, tuyên truyền thường xuyên, rộng rãi về các lợi ích khi tham gia Chương trình điều chỉnh phụ tải điện (DR), trách

nhiệm tham gia thực hiện các chương trình DR; các biện pháp tiết kiệm điện đến khách hàng sử dụng điện tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả.

- Tổ chức ký thỏa thuận tham gia Chương trình điều chỉnh phụ tải điện (DR) với 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng điện lớn ($\geq 1.000.000$ kWh/năm) theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công thương. Đồng thời, có trách nhiệm thực hiện theo Quy trình thực hiện sự kiện điều chỉnh phụ tải và các quy trình liên quan do Cục Điều tiết điện lực ban hành.

- Hàng năm tổ chức ký bản cam kết thực hiện chương trình, mức tiết kiệm điện năng với từng khách hàng sản xuất trọng điểm, khách hàng khu công nghiệp; xây dựng phương án đảm bảo cấp điện trong điều kiện thiếu điện theo phê duyệt của UBND tỉnh. Thực hiện các biện pháp quản lý nhu cầu điện, khuyến khích khách hàng sử dụng điện tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả.

- Thực hiện phương thức vận hành ổn định, an toàn trong hệ thống điện; bố trí kế hoạch sửa chữa lưới điện hợp lý; tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao năng lực khai thác thiết bị; hạn chế sự cố, tiết kiệm chi phí, giảm tổn thất điện năng nhằm huy động tối đa và có hiệu quả các nguồn điện trên địa bàn.

c) Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Sơn La, Báo Sơn La phối hợp với Sở Công thương, Công ty Điện lực Sơn La xây dựng các chương trình phát thanh và truyền hình về tiết kiệm điện, dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền chủ trương của Nhà nước về thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện; thông báo nội dung Chỉ thị này để các cơ quan, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh biết, thực hiện nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

d) Giao Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quản lý nghiêm túc thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện theo nội dung Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình tiết kiệm điện trên địa bàn; giám sát việc thực hiện tiết kiệm điện theo Chỉ thị này.

- Phối hợp với Công ty Điện lực Sơn La tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương của Nhà nước về giải pháp sử dụng điện tiết kiệm đến tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng điện thuộc địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tiêu khu có biện pháp tuyên truyền, giám sát việc thực hiện tiết kiệm điện tại các hộ gia đình.

e) Chỉ thị này thay thế Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc tăng cường tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Yêu cầu các cấp, các ngành tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực Sơn La có trách nhiệm tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy (phối hợp chỉ đạo);
- Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công ty Điện lực Sơn La;
- Báo Sơn La; Đài phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng: KT, NC, KSTTHC - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Biên KT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com